

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 405/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thăng.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 352, đường V, khu phố 4, phường 1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thế P, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 13/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh P bắt đầu chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/HT ngày 16/8/2006, hôn nhân do quen biết trước. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì giữa vợ chồng Ph sinh mâu thuẫn do anh P không quan tâm chăm sóc gia đình, cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được nên vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 15/5/2007, hiện đang sống chung với anh P và Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 16/10/2014 hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, đồng ý giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Nguyễn Thế P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh P không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với con chung hiện cháu Ph đang sống chung với anh P, cháu Tr đang sống chung với chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thế P và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thế P có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh Nguyễn Thế P đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thế

P chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47/HT ngày 16/8/2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh P xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh P không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Theo biên bản xác minh ngày 23/10/2020 (BL: 21) của Tòa án đối với chính quyền địa phương nơi chị T và anh P cư trú thì nguyên nhân Ph sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh P có 02 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Tấn Ph và Nguyễn Ngọc Bảo Tr.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*.

Do anh P vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị T về người trực tiếp nuôi con chung. Theo biên bản xác minh ngày 23/10/2020 nêu trên thì hiện cháu Ph đang sống chung với anh P; cháu Tr đang sống chung với chị T. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự Ph triển bình thường cho các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Tr cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Ph cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh P có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị T, anh P không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Thế P.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 16/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 15/5/2007 cho anh Nguyễn Thế P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thế P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thế P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016744 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Thế P không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thế P được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú

